TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An
Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Vũ Thị Hương
2, Ông Đinh Quốc Việt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 119/2020/TLST - HNGĐ ngày 8 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 8/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: Xóm SK, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Chị Dương Thị Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt)
HKTT: Xóm SK, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
Địa chỉ hiện tại: Xóm ĐB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 22/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Triệu Văn T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị Đ kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm SK, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn vì anh phát hiện chị Đ có quan hệ với người đàn ông khác. Từ khi xảy ra mâu thuẫn, chị Đ đã bỏ đi, sau đó anh được biết chị Đ có về nhà mẹ đẻ. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Triệu Sinh A, sinh ngày 11/7/2005 và Triệu Thị B, sinh ngày 5/2/2008. Hiện cả hai con chung đang ở với bố. Từ khi chị Đ bỏ đi, chị không quan tâm gì đến con. Nay, anh xin được nuôi con, anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Dương Thị Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại các Biên bản xác minh của Tòa án tại gia đình chị Đ, bà Triệu Thị C - mẹ đẻ của chị Đ cho biết: Bà là mẹ đẻ của chị Đ. Chị Đ và anh T là vợ chồng, bà không nhớ rõ chị Đ và anh T kết hôn năm nào. Sau khi kết hôn, chị Đ về nhà chồng ở xóm SK, xã HT sinh sống. Vài năm đầu, chị Đ ở nhà nhưng sau vài năm thì chị Đ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Đ, bà được biết, mấy năm gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên mỗi người một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn bà không rõ vì bà không ở cùng, chỉ thấy chị Đ nói là anh T có lần đánh vợ và anh T cũng có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Chị Đ đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập chị đến Tòa, đã nhận được đầy đủ thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nhưng có bà không thấy chị nói gì, có lần bà chỉ thấy chị nói rằng, chị sẽ đồng ý ly hôn nếu như anh T để chị được nuôi hai con, còn nếu không thì chị không đồng ý ly hôn. Tài sản chung hai vợ chồng, bà được biết là không có gì.

Tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 18/6/2020, cháu Triệu Sinh A và cháu Triệu Thị B đều xác định đang ở với bố. Nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của hai cháu là muốn được ở với bố vì mẹ đi làm xa, bố ở nhà với cháu được nhiều hơn. Tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 18/6/2020, cháu Triệu Thị B xác định cháu đang ở với bố. Nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với bố vì bố sẽ chăm sóc cho cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Triệu Văn T, cho anh T được ly hôn chị Đ .

Về con chung: Giao 02 con chung Triệu Sinh A, Triệu Thị B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Đ vì anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Anh T được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Dương Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng chị Đ vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, chị Đ vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Dương Thị Đ.

[2] Về nội dung:

Anh Triệu Văn T và chị Dương Thị Đ kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn và nội dung các biên bản xác minh của Tòa án, có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, anh T và chị Đ đã chung sống hạnh phúc trong những năm đầu, đến năm 2014, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì lý do anh T và chị Đ đều nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình nên chị Đ đã đi khỏi nhà. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Trong trường hợp này, anh T và chị Đ thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa. Mặt khác, chị Đ đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng mình nhưng chị không có ý kiến gì thể hiện mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân. Điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của anh T và chị Đ đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống được với nhau nữa, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Anh T và chị Đ có 02 con chung là Triệu Sinh A, sinh ngày 11/7/2005; Triệu Thị B, sinh ngày 5/2/2008. Hiện hai con đang ở cùng với

bố. Anh T có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Theo nội dung biên bản xác minh của Tòa án qua nhân thân của chị Đ, chị Đ có ý kiến muốn được nuôi hai con chung. Tuy nhiên chị Đ không cung cấp lời khai cho Tòa án, tại phiên tòa, chị Đ vắng mặt nên không có căn cứ để xem xét quyền nuôi con cho chị Đ. Xem xét nguyện vọng của hai con chung, Hội đồng xét xử thấy, cả hai con đều mong muốn được ở với bố. Do vậy, xét yêu cầu xin nuôi con của anh T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với nguyện vọng của con chung là cháu Triệu Sinh A, Triệu Thị B, cần giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ vì anh T không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Đ vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T thuộc trường hợp hộ nghèo và có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh T.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Triệu Văn T đối với chị Dương Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Văn T được ly hôn chị Dương Thị Đ

2. Về con chung: Anh T và chị Đ có có 02 con chung là Triệu Sinh A, sinh ngày 11/7/2005 và Triệu Thị B, sinh ngày 05/02/2008. Giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ. Chị Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí*:* Anh Triệu Văn T được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã HT;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An